

Phản ứng chính sách của Úc trước sự trỗi dậy của Trung Quốc

Lê Lêna^(*)

Tóm tắt: Những thay đổi trong cục diện an ninh - chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương khiến chính sách đối ngoại của các quốc gia trong khu vực, trong đó có Úc, có nhiều thay đổi. Mối quan hệ về kinh tế và thương mại ngày càng được tăng cường của nước này với Trung Quốc khiến một kịch bản về việc Úc chuyển hướng chính sách sang phù Trung không phải là không có cơ sở. Bài viết tập trung tìm hiểu quan điểm của Úc liên quan tới sự trỗi dậy của Trung Quốc, đồng thời, dựa trên một số lý thuyết quan hệ quốc tế cùng thực tế phản ứng của Úc, chỉ ra chính sách mà Úc đang theo đuổi trong bối cảnh phụ thuộc về kinh tế với Trung Quốc. Theo đó, tác giả cho rằng, Úc không phải đang nỗ lực để thoát khỏi cái bóng đồng minh Mỹ, cố gắng thân với Trung Quốc, mà đang thực hiện một chiến lược phòng bị nước đôi thực dụng và khôn khéo nhằm có được lợi ích lớn nhất trong bối cảnh phức tạp hiện nay.

Từ khóa: Chính sách đối ngoại của Úc, Sự trỗi dậy của Trung Quốc, Chính sách phòng ngừa rủi ro, Châu Á - Thái Bình Dương

Dù được biết tới là một trong số những đồng minh gần gũi của Mỹ trong hơn 50 năm qua, tuy nhiên, những thay đổi trong cục diện khu vực được tạo ra bởi chính sách của các cường quốc khiến Úc dường như đang dần chuyển hướng chiến lược. Năm 2013, chính quyền của Thủ tướng Julia Gillard thể hiện nhận thức về vai trò trung tâm của Trung Quốc trong khu vực cùng tầm quan trọng của các nước châu Á qua chiến lược ngoại giao trọng điểm với tựa đề “Nước Úc trong thế kỷ châu Á”. Năm 2015, Úc từ chối tuân tra biển Đông cùng với Mỹ. Gần đây nhất, Úc lờ đi

sự phản đối của Mỹ để tham gia Ngân hàng Đầu tư Hạ tầng châu Á (AIIB) do Trung Quốc dẫn đầu và thể hiện mong muốn tương tự với sáng kiến “Nhất lộ, nhất đới” (*One Belt, One Road - OBOR*) của Trung Quốc. Thực tế này khiến những nhận định về việc Úc rời xa Mỹ và đang “ngiên về phía Trung Quốc” dường như càng có cơ sở. Đồng thời, tại Úc, nhiều quan điểm cho rằng đã đến lúc nước này cần chấm dứt sự phụ thuộc vào Mỹ mà nên chọn theo Trung Quốc, bởi Trung Quốc “sẽ quyết định sự thịnh vượng của Úc trong thế kỷ XXI hơn bất cứ quốc gia nào” (L. Jakobson, 2012: 4).

Vậy, liệu đã đến lúc Úc chấm dứt mối quan hệ đồng minh chiến lược với Mỹ và gắn vận mệnh của mình với Trung Quốc hay

(*) ThS., Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: lelenavn@gmail.com

chưa? Để giải đáp cho câu hỏi này, tác giả tập trung tìm hiểu, phân tích hai vấn đề sau: (1) Úc nhận thức như thế nào về sự trỗi dậy của Trung Quốc và (2) Úc có phản ứng chính sách gì đối với sự trỗi dậy này^(*).

1. Trung Quốc là mối đe dọa hay là sự lựa chọn?

Việc Trung Quốc trỗi dậy và có ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế Úc cũng như tình hình an ninh - chính trị trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương là điều dễ nhận ra. Nhìn vào các số liệu dưới đây có thể thấy, dấu ấn của Trung Quốc tới hiện tại và tương lai của Úc là vô cùng rõ ràng.

Về mặt kinh tế và xã hội, năm 2009, Trung Quốc vượt Nhật Bản, trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Úc. Theo số liệu của Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc năm 2016, Trung Quốc chiếm 22,3% giá trị nhập khẩu của Úc và chiếm 31,6% giá trị xuất khẩu của nước này. Kể từ năm 2011, Trung Quốc trở thành quốc gia có số dân di cư tới Úc lớn nhất. Năm 2015, có khoảng 866.001 người đang sinh sống tại Úc tự nhận mình là Hoa kiều (P. Jain & McCarthy, 2016). Trung Quốc cũng vượt qua New Zealand, trở thành nước có số dân du lịch và chi tiêu cao nhất khi tham quan Úc năm 2016^(**). Bên cạnh đó, Trung Quốc còn là quốc gia có số học sinh đông nhất đang theo học các chương trình giáo dục tại Úc (Australian Government, 2017). Gần đây, xu hướng các nhà đầu tư Trung Quốc mua bất động sản, các mỏ quặng và nông trại ở Úc ngày càng tăng. Nguy cơ người Úc phải

làm thuê cho các chủ đầu tư Trung Quốc trên chính mảnh đất của mình là rõ ràng.

Về mặt an ninh - chính trị, theo quan điểm của không ít nhà lý luận của thuyết Hiện thực, một Trung Quốc trỗi dậy về kinh tế sẽ không sớm thì muộn trở nên mạnh mẽ về quân sự, hung hăng và muốn thay đổi trật tự thế giới theo hướng có lợi cho mình. Một số học giả đưa ra kịch bản về mối đe dọa quân sự trực tiếp của Trung Quốc đối với lãnh thổ, chủ quyền, nền chính trị dân chủ và các giá trị cốt lõi của Úc. Số khác tập trung vào các nguy cơ an ninh gián tiếp mà Úc phải đối mặt như: môi trường an ninh khu vực bất ổn; căng thẳng quân sự, chạy đua chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ; các xung đột nhỏ lẻ và các hình thức chiến tranh ủy nhiệm trong khu vực. Bên cạnh đó, chính sách hiếu chiến trên biển của Trung Quốc gần đây cùng cơn khát năng lượng của quốc gia này không khỏi khiến Úc quan ngại. Bởi, vốn là một quốc gia phụ thuộc lớn vào hàng hải và khai thác năng lượng, an ninh biển và quyền tự do hàng hải là yếu tố sống còn với Úc (Kenny, 2013).

Rõ ràng, ảnh hưởng của một Trung Quốc trỗi dậy tới Úc là không thể chối bỏ. Tuy nhiên, không dễ dàng để định rõ Trung Quốc là cơ hội hay thách thức đối với nước này. Tại Úc, khi nhắc tới ảnh hưởng của sự trỗi dậy của Trung Quốc, các ý kiến đưa ra vẫn khá đa dạng. Nhìn chung, nhận thức về vấn đề này được thể hiện ở ba nhóm sau:

Trường phái thứ nhất, đại diện tiêu biểu là chiến lược gia Ross Babbage, khẳng định sự trỗi dậy của Trung Quốc đe dọa tới lợi ích chiến lược của Úc và Úc cần thắt chặt quan hệ với các đồng minh (R. Babbage, 2011).

Trường phái thứ hai, thường được gọi là Ross Garnaut, cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc là vô cùng tốt đẹp cho Úc. Lý

(*) Phạm vi thời gian của nghiên cứu từ giai đoạn của Thủ tướng John Howard (1996) tới Thủ tướng Malcolm Turnbull (2017) của Úc.

(**) Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Úc (2017), năm 2016 Úc đã đón 1,2 tỷ du khách Trung Quốc (Australian Bureau of Statistics, 2017).

do ở đây chính là khả năng bổ sung cho nhau của hai nền kinh tế (P. Hatcher, 2009).

Trường phái thứ ba ủng hộ lập luận rằng sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc đang đe dọa tới chiến lược an ninh và phát triển của Úc. Tuy nhiên, không có cách nào có thể ngăn cản sự phát triển của Trung Quốc, do đó, Úc cần phải học cách chấp nhận và lựa cách sống cùng (H. White, 2012).

Trên cơ sở các quan điểm như vậy, có thể thấy các nghiên cứu bàn về chính sách đối ngoại của Úc đối với Trung Quốc là không hoàn toàn đồng thuận.

2. Chính sách của Úc trước sự trỗi dậy của Trung Quốc

Ba trường phái chính trong nhận thức về ảnh hưởng một Trung Quốc đang lên tới Úc hình thành nên các hướng luận bàn về chính sách của Úc.

Với nhóm đầu tiên, các học giả thuộc nhóm này có ý kiến cho rằng mục tiêu lớn trong chính sách đối ngoại của Úc là duy trì mối quan hệ đồng minh với Mỹ. Quan điểm này dường như chịu ảnh hưởng của lý luận cân bằng quyền lực của thuyết Hiện thực. Theo đó, một quyền lực đang lên sẽ biến thương mại trở thành sức mạnh về quân sự và tạo ra một thế đe dọa về an ninh với các nước dưới cơ. Quan niệm về mối đe dọa này buộc các quốc gia yếu thế tìm cách gia tăng quyền lực thông qua việc tìm kiếm hoặc duy trì các mối quan hệ đồng minh nhằm tạo thế cân bằng với chủ thể đang lên. Với định hướng như vậy, chính sách của Úc đối với Trung Quốc thường được xem xét dựa trên cơ sở mối quan hệ đồng minh của Úc với Mỹ. Điều này đưa đến kết luận rằng, bất kỳ một chính sách đối ngoại nào của Úc, trong đó có chính sách với Trung Quốc, đều có sự tính toán để bảo đảm không làm chệch đi định hướng từ nước lớn Mỹ (J.H. Chung, 2009).

Với nhóm thứ hai, như đã đề cập, trường phái Ross Garnaut tin rằng, Úc đang chuyển dần sang hợp tác hoặc thậm chí là phù thịnh với Trung Quốc bởi những lợi ích kinh tế có được từ cường quốc đang lên này. Quan điểm này dựa trên luận điểm phù thịnh của thuyết Hiện thực và có đôi chút đan xen cách giải thích của thuyết Tự do (luận điểm phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế). Theo cách hiểu này, để tối đa hóa quyền lực và sự thịnh vượng của quốc gia mình, các quốc gia yếu thế sẽ liên kết với các cường quốc đang lên. Việc tăng cường liên kết như vậy càng khiến các quốc gia phụ thuộc lẫn nhau hơn và việc phù thịnh là không tránh khỏi. Thậm chí, có học giả còn khẳng định rằng, quá trình hợp tác và phụ thuộc này sẽ khiến nhận thức về mối đe dọa không còn (P.A. Papayouanou, 1999: 119). Ủng hộ cho chính sách phù thịnh này đa phần là các nhà kinh tế và các doanh nhân hàng đầu của Úc. Cũng với quan điểm này, các học giả thuộc nhóm thứ hai tìm cách chứng minh cho việc Úc nên và dần tách rời khỏi Mỹ.

Tuy nhiên, theo tác giả, Úc không phù Trung và đã từ lâu không hoàn toàn chỉ trôi buộc bản thân vào liên minh với Mỹ. Tác giả chia sẻ phần nào quan điểm của trường phái thứ ba nhưng không quá bi quan về việc Úc chỉ đành chấp nhận thực tại. Thực tế, quốc gia này đã theo đuổi một chiến lược ứng xử với nước lớn khéo léo và tương đối phù hợp nhằm thu được lợi ích tối đa từ mối quan hệ về kinh tế với Trung Quốc và an ninh - quốc phòng với Mỹ. Chiến lược này thường được biết tới với tên gọi “chiến lược phòng bị nước đôi” (*hedging*).

Về cơ bản, chiến lược phòng bị nước đôi là “hành vi của một quốc gia tìm cách bù đắp các rủi ro bằng việc theo đuổi cùng một lúc nhiều chính sách nhằm tạo ra các hiệu ứng ngăn chặn lẫn nhau trong một bối cảnh không

chắc chắn và nhiều mối đe dọa” (C. Kuik, 2008: 168). Cụ thể, để theo đuổi chiến lược phòng bị nước đôi, một quốc gia thường: *thứ nhất*, tăng cường các hoạt động can dự, hợp tác và hội nhập; và *thứ hai*, chú trọng tới các hoạt động cân bằng theo lý thuyết Hiện thực. Đặc điểm này hoàn toàn phù hợp với các hoạt động và chính sách đối ngoại của Úc từ thời Thủ tướng John Howard (1996) cho tới nay. Quan sát và phân tích cụ thể, có thể dễ dàng nhận thấy, chính sách phòng bị nước đôi của Úc được tiến hành dựa trên các trụ cột chính sau: i) *Hợp tác thực dụng*: hợp tác về kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng, lôi kéo sự tham dự của Trung Quốc vào các cơ chế đa phương trong khu vực; ii) *Cân bằng nội*: hiện đại hóa lực lượng an ninh, quốc phòng trong nước; iii) *Cân bằng ngoại*: củng cố quan hệ đồng minh với Mỹ và hợp tác về an ninh - quốc phòng với các quốc gia trong khu vực. Ba trụ cột này được thể hiện cụ thể như sau:

i) Hợp tác thực dụng

Úc tăng cường hợp tác với Trung Quốc trên hầu hết các lĩnh vực, từ kinh tế, xã hội tới an ninh, quốc phòng và chính trị. Mục tiêu của hoạt động hợp tác trên các lĩnh vực này nhằm: (1) tối đa hóa lợi ích về kinh tế từ sự trỗi dậy của Trung Quốc; (2) tăng cường hiểu biết giữa hai quốc gia, trong đó đặc biệt là khả năng dự đoán về chiến lược Trung Quốc của Úc; và (3) khẳng định với Trung Quốc rằng, Úc không hề theo đuổi chính sách ngăn chặn đối với quốc gia này.

Sự chuyển dịch mối quan hệ giữa Úc và Trung Quốc được bắt đầu ngay sau khi ông John Howard trở thành Thủ tướng của Úc năm 1996. Trong một thập niên (1996-2006), Úc đã dần chuyển đổi mối quan hệ của mình với Trung Quốc từ đơn thuần là *mối quan hệ kinh tế* (1996) lên *quan hệ về kinh tế với tầm quan trọng chiến lược* (1997), rồi *quan hệ đối tác*

kinh tế chiến lược (2003) và *quan hệ chiến lược rõ ràng*. Khi ông Kevin Rudd kế nhiệm ông John Howard vào năm 2007, Úc được ngài Thủ tướng miêu tả với cụm từ đặc biệt “một người bạn chân thành và trung thực”^(*) của Trung Quốc. Thủ tướng Kevin Rudd cũng thể hiện sự quan tâm tới Trung Quốc bằng việc chọn quốc gia này là điểm đến đầu tiên sau khi nhậm chức và đặc biệt “ưu ái” thực hiện một bài phát biểu hoàn toàn bằng tiếng Trung trong chuyến thăm này.

Trong lĩnh vực kinh tế, Úc theo đuổi một *chính sách thực dụng*, thúc đẩy hợp tác nhưng cân trọng về lâu dài. Tháng 12/2015, Hiệp định Thương mại Tự do Trung Quốc - Úc (ChAFTA) có hiệu lực. Hiệp định này thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai quốc gia, bảo đảm khả năng cạnh tranh của nông sản và hàng hóa của Úc trên thị trường Trung Quốc. Theo số liệu năm 2017 của Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc, hơn 86% hàng hóa xuất khẩu từ Úc sang Trung Quốc được miễn thuế (Department of Foreign Affairs and Trade, 2017). Chính phủ Úc cũng thành lập một cơ quan có tên gọi là Ban Kiểm soát Đầu tư nước ngoài nhằm nghiên cứu và thu hút hơn các nguồn đầu tư từ Trung Quốc. Đặc biệt, nhằm tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế của các doanh nhân Trung Quốc, Chính phủ Úc tăng thời gian thị thực nhập cảnh lên tới 3 năm.

Tuy nhiên, gần đây, nhằm tránh những ảnh hưởng lâu dài từ sự phụ thuộc vào nền kinh tế Trung Quốc cùng những hệ lụy mang tính chiến lược có liên quan, Chính phủ Úc cũng có những bước đi cân trọng hơn. Cụ thể, Chính phủ Úc hạn chế việc đầu tư, mua bán, sáp nhập, đấu thầu của các

^(*) Nguyên văn: zhengyou 诤友

doanh nghiệp Trung Quốc vào các công ty, lĩnh vực trọng điểm (nông nghiệp, khai mỏ) hoặc có liên quan tới an ninh quốc gia (cảng biển, bất động sản). Ví dụ, như đã nêu trên, mục tiêu hình thành của Ban Kiểm soát Đầu tư nước ngoài nhằm nghiên cứu những phương cách để thu hút vốn đầu tư. Trên thực tế, cơ quan này cùng một số chính sách của Úc bị nhiều nhà đầu tư Trung Quốc cho là công cụ kiểm soát và hạn chế các nhà đầu tư Trung Quốc. Trường hợp Chính phủ Úc ngăn chặn Chinalco - một tập đoàn khai thác nhôm và sản xuất alumin lớn nhất của Trung Quốc, trở thành cổ đông lớn của Công ty khai mỏ Rio Tinto hoặc không cho phép các nhà đầu tư Hồng Kông và Tập đoàn Điện lực Trung Quốc kiểm soát cổ phần công ty điện lực lớn nhất của Úc là Ausgrid là hai minh chứng rõ ràng. Bên cạnh các hoạt động nhằm hạn chế việc mua bán, sáp nhập, Chính phủ Úc áp dụng một số biện pháp nhằm “chữa lỗi sai” đối với các quyết định cho phép đầu tư trước đó. Trường hợp chính quyền bang New South Wales mua lại 51,4% giấy phép khai thác đã từng cấp cho Công ty Shenhua của Trung Quốc là một ví dụ tiêu biểu. Đáng lưu ý, tháng 8/2016, các quan chức chính phủ Úc đưa ra một báo cáo đề xuất về việc cần đưa ra các biện pháp “cản trọng” đối với các khoản đầu tư của Trung Quốc. Những động thái trên cho thấy, Úc đang ngày càng thắt chặt sự kiểm soát các hoạt động đầu tư và hợp tác với Trung Quốc.

Trong lĩnh vực hợp tác về an ninh - quốc phòng, quan hệ Úc - Trung Quốc có những bước tiến và dần đi vào các hoạt động thực tế. Sách trắng Quốc phòng năm 2013 thể hiện mong muốn của Úc được mở rộng hợp tác với Trung Quốc, đồng thời cũng khẳng định Úc không tiến hành chiến lược ngăn chặn Trung Quốc. Tiếp đó, một loạt hoạt động đối

thoại quân sự hàng năm giữa quân đội hai bên, các chuyến thăm tàu chiến, hoạt động hỗ trợ, diễn tập cứu nạn được tiến hành. Chiến hạm Trung Quốc đã cùng 16 nước trên thế giới tham gia cuộc Trình diễn Chiến hạm quốc tế tại cảng Sydney. Lực lượng an ninh biển của Trung Quốc cũng tham gia chiến dịch tìm kiếm máy bay MH370 do Úc lãnh đạo. Đáng chú ý, năm 2014, cùng với việc nâng cấp quan hệ với Trung Quốc lên mức *đối tác chiến lược toàn diện*, Úc đưa ra tuyên bố các binh sĩ Trung Quốc có thể tập trận tại phía Bắc Úc, thậm chí có thể kết hợp với lính thủy đánh bộ Mỹ - Úc trong cuộc tập trận chung ba bên diễn ra trên đất Úc.

Bên cạnh các hoạt động song phương, Úc tăng cường hoạt động hợp tác với Trung Quốc thông qua các kênh đa phương là các diễn đàn hợp tác an ninh, kinh tế trong khu vực. Nỗ lực lôi kéo Trung Quốc vào các cơ chế đa phương khu vực dựa trên logic sử dụng ngoại giao như một công cụ làm giảm khả năng xung đột, gây ảnh hưởng tới tương lai thịnh vượng và hòa bình của Úc. Cho tới nay, Trung Quốc và Úc đã và đang xuất hiện cùng nhau trong các kênh hợp tác an ninh - chính trị khu vực như Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+), và Diễn đàn Hàng hải ASEAN mở rộng (EAMF).

Tuy vậy, có thể nhận thấy, hợp tác về an ninh - quân sự giữa hai quốc gia dù có nhiều tiến triển nhưng đa phần vẫn tập trung trên các lĩnh vực ít nhạy cảm và thường là an ninh phi truyền thống hoặc các hoạt động đối thoại.

ii) Cân bằng nội

Quá trình cân bằng nội của Úc được diễn ra thông qua các hoạt động đầu tư, hiện đại hóa và nâng cấp lực lượng quân sự. Việc triển khai cân bằng nội là một quá trình

xuyên suốt, dù mức độ đầu tư và được quan tâm là không đồng đều ở các đời Thủ tướng.

Năm 2009, dưới thời Thủ tướng Kevin Rudd, Úc cho ra đời Sách trắng Quốc phòng với tựa đề “Bảo vệ Úc ở châu Á - Thái Bình Dương: Lực lượng 2030”. Theo nội dung cuốn sách, Úc có kế hoạch xây dựng một lực lượng mạnh tới năm 2030 với khoản đầu tư lên tới 100 tỷ AUD. Kế hoạch tăng cường năng lực quân sự này được khẳng định nhằm không chỉ “bảo vệ Úc trước một cuộc tấn công trực tiếp, mà đồng thời để quốc gia này có thể đóng vai trò bảo vệ các khu vực láng giềng lân cận...” (Department of Defence, 2009: 34). Dù chỉ tiêu quốc phòng bị cắt giảm vào năm 2012 do ảnh hưởng từ tình hình kinh tế, năm 2013, Chính phủ của Thủ tướng Tony Abbott cam kết kế hoạch duy trì ngân sách dành cho quốc phòng hàng năm sẽ tăng và đạt mức 2% GDP cho tới năm 2023.

Gần đây nhất (2016), thay bằng việc cam kết dựa trên tỷ lệ GDP đầy biến động hàng năm, Chính phủ Úc dưới thời Thủ tướng Malcom Turnbull đã đưa ra cam kết duy trì nguồn chi ổn định và bền vững cho ngân sách quốc phòng. Cụ thể, nguồn chi quốc phòng được kỳ vọng sẽ tăng 80% (từ mức 32,4 tỷ AUD năm tài chính 2016-2017 lên 58,7 tỷ AUD năm 2025-2026). Trong đó, chỉ riêng khoảng thời gian từ 2017 tới 2020/2021, Bộ Quốc phòng sẽ nhận được khoảng 150 tỷ AUD. Đặc biệt, việc thiết kế và xây dựng hạm đội mới sẽ tốn khoảng 50 tỷ AUD. Thủ tướng Malcom Turnbull đã không ngần ngại chia sẻ mục đích của chiến dịch “mua sắm quốc phòng lớn nhất trong lịch sử nước Úc” này là biến Úc trở thành một “cường quốc biển” (Department of Defence 2016).

Như vậy, cho dù có thay đổi ở tỷ lệ đầu tư cho quốc phòng hoặc cách tính về chi tiêu cho quốc phòng ở các giai đoạn khác

nhau, cam kết đầu tư nâng cao năng lực quốc phòng của Úc là rõ ràng. Bên cạnh các số liệu được nêu, nếu phân tích sâu Sách trắng Quốc phòng của Úc các năm gần đây (2009, 2013 và 2016), chúng ta có thể nhận ra có sự kế thừa tương đối nhất quán trong quan điểm của Úc về sự trỗi dậy của Trung Quốc và mối quan hệ với đồng minh Mỹ.

iii) Cân bằng ngoại

Các hoạt động cân bằng ngoại được Úc triển khai trên hai hướng chính. *Thứ nhất*, Úc duy trì mối quan hệ đồng minh với Mỹ. *Thứ hai*, Úc tăng cường các hoạt động hợp tác song phương với các quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Đối với mối quan hệ đồng minh Úc - Mỹ: Cho tới thời điểm này, mối quan hệ đồng minh giữa hai quốc gia thường xuyên được củng cố. Dù có nhiều thăng trầm, thay đổi ở các đời lãnh đạo của hai quốc gia nhưng quan hệ với Mỹ vẫn luôn được coi là mối quan hệ hợp tác quốc phòng quan trọng nhất của Úc. Rõ ràng, một khi Úc vẫn chưa hoàn thiện lực lượng quân sự của mình, trong bối cảnh sự trỗi dậy của Trung Quốc và những thay đổi khó lường diễn ra trong cấu trúc an ninh khu vực, quan hệ gần gũi về an ninh - quốc phòng với Mỹ là vô cùng cần thiết. Mối quan hệ này không chỉ đơn giản là sự tiếp nối của việc duy trì Hiệp ước an ninh ANZUS (1951) mà còn giúp cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc lên Úc cũng như đảm bảo lợi ích và an ninh của Úc trong khu vực. Trên cơ sở quan điểm như vậy, không khó hiểu khi Úc nhiệt thành ủng hộ kế hoạch Tái cân bằng của Chính quyền Obama sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Cụ thể, Úc đồng ý nhận 2.500 thủy quân lục chiến Mỹ tới các căn cứ ở phía Bắc Úc và nâng cao hợp tác trong các lĩnh vực tình báo, không gian, nghiên cứu quốc phòng... Tháng 5/2013, hai nước ký Thỏa

thuận hợp tác Quốc phòng và Thương mại Mỹ - Úc nhằm thúc đẩy hơn nữa các trao đổi kỹ thuật quốc phòng. Tháng 8/2014, Mỹ và Úc tiếp tục ký kết Thỏa thuận các Lực lượng Quân sự liên quan tới việc sắp xếp các căn cứ quân sự cho hải đội của Mỹ tại cảng Darwin và cho không lực Mỹ tại Bắc Úc. Theo kế hoạch, quân đội Mỹ sẽ đóng quân và tiếp nhận huấn luyện tại phía Bắc Úc trong 25 năm tới. Ngoài ra, về mặt chính sách, Úc cũng điều chỉnh chính sách của mình theo chiều hướng gần gũi với chính sách của Mỹ trong các vấn đề liên quan tới xung đột ở biển Đông và Hoa Đông. Ví dụ, trong hai kỳ Đối thoại Shangri-La (tháng 5/2015 và tháng 6/2017), cùng với Mỹ và Nhật Bản, Úc đã ra tuyên bố chung liên quan tới tranh chấp biển Đông, trong đó, bản tuyên bố cùng một thông điệp lên án các hành vi đơn phương làm thay đổi hiện trạng biển Đông của Trung Quốc.

Đối với quan hệ với các quốc gia khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Úc tăng cường các hoạt động hợp tác quân sự song phương với Nhật Bản, Ấn Độ và một số quốc gia Đông Nam Á.

- *Với Nhật Bản:* Hợp tác và trao đổi quốc phòng giữa Nhật Bản và Úc được đẩy mạnh kể từ tháng 3/2007 khi hai nước cùng đưa ra Tuyên bố chung về Hợp tác An ninh. Tuyên bố chung năm 2007 được hiện thực hóa với các cuộc gặp cấp cao song phương, các buổi tư vấn cấp bộ trưởng về đối ngoại và quốc phòng, các chương trình gặp gỡ “2+2”, việc nâng cấp quan hệ lên mức *đối tác chiến lược gần gũi* (2016), cũng như việc hoàn tất và ký kết Hiệp định Thu nhận và Dịch vụ Tương hỗ (tháng 1/2017). Hiệp định được ký kết này cho phép Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản và Lực lượng Quốc phòng Úc (ADF) tập trận, huấn luyện và cùng tham gia các chương trình gìn giữ hòa bình. Văn bản này cũng quy định

Nhật Bản được cung cấp đạn dược cho các đối tác trong trường hợp an ninh đất nước bị đe dọa. Theo kế hoạch, cả hai bên đang soạn thảo một thỏa thuận khác cho phép Lực lượng Quốc phòng Úc có nhiều hoạt động phối hợp hơn với Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản.

- *Với Ấn Độ:* trong những năm gần đây, Ấn Độ trở thành đối tác an ninh ngày càng quan trọng đối với Úc. Việc Ấn Độ tiến hành hiện đại hóa lực lượng quân đội và tham gia vào các cấu trúc an ninh khu vực, đặc biệt thông qua Hội nghị Hải quân Ấn Độ Dương và Hiệp hội Ấn Độ Dương được Úc cho rằng “hỗ trợ cho việc duy trì các lợi ích chung của Ấn Độ và Úc trong an ninh khu vực Ấn Độ Dương” (Department of Defence, 2016). Bên cạnh đó, theo Sách trắng Quốc phòng của Úc năm 2016, “mối quan hệ của Ấn Độ với các cường quốc khác trong khu vực như Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản sẽ góp phần định hình nên môi trường an ninh của khu vực cho tới năm 2035”.

Quan hệ hợp tác quốc phòng giữa Úc và Ấn Độ được chính thức bắt đầu và tăng cường từ tháng 11/2014 sau khi hai nước hoàn thành việc ký kết bản Khuôn khổ Hợp tác An ninh nhân chuyến thăm Úc của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi. Văn bản hợp tác này đã mở đường cho một loạt hoạt động đối thoại quốc phòng, tập trận chung, cùng các hoạt động trao đổi nghiên cứu, hỗ trợ phòng chống khủng bố. Năm 2015, cuộc tập trận hải quân chung mang mật danh AUSINDEX đã diễn ra. Cũng trong năm này, Úc mời lực lượng không quân Ấn Độ tham gia cuộc tập trận mang tên “PITCH BLACK”. Đặc biệt năm 2017, hai lãnh đạo của Úc là Bộ trưởng Ngoại giao Julie Bishop và Thủ tướng Malcolm Turnbull đã lần lượt tới thăm Ấn Độ để thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực, trong đó nhấn mạnh tới các vấn đề quốc phòng và an ninh.

- Với một số quốc gia Đông Nam Á: Mỗi quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á được Úc chú ý hơn trong những năm gần đây, một phần bởi vai trò của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực là không nhỏ, ngoài ra, Hiệp hội này cũng phần nào chia sẻ hoàn cảnh phức tạp trong mối quan hệ với Mỹ và Trung Quốc. Hơn thế nữa, các quốc gia Đông Nam Á đã trở thành đối tác quan trọng về thương mại, đầu tư với Úc. Bên cạnh đó, mối liên hệ về con người thông qua nhập cư, du lịch, trao đổi giáo dục giữa Úc và các quốc gia Đông Nam Á ngày càng rõ rệt. Với lý do cơ bản như vậy, Úc đã thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác với các quốc gia trong khu vực thông qua việc tăng cường các cuộc gặp gỡ cấp bộ trưởng ở hầu hết các lĩnh vực, trở thành thành viên trong các diễn đàn khu vực được hình thành bởi ASEAN như ARF, EAS, và ADMM+. Song song với đó, các cuộc gặp gỡ cấp cao và gặp gỡ song phương giữa Úc với các quốc gia trong khu vực còn được tiến hành bên lề của các kỳ họp của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) hay Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM). Bên cạnh hợp tác trên cơ sở đa phương, trong số các quốc gia Đông Nam Á, Úc đặc biệt chú ý tới mối quan hệ hợp tác song phương với Indonesia - láng giềng nhiều duyên nợ với Úc và Singapore - đối tác “gần gũi và toàn diện nhất với Úc”.

Hoạt động cân bằng ngoại được Úc tiến hành trong những năm vừa qua giúp Úc đa dạng hóa các mối quan hệ, góp phần giảm sự phụ thuộc vào Mỹ, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra từ chính sách khó lường của Trung Quốc và đồng thời làm hài lòng cả hai nước lớn. Cũng như phần đa các quốc gia khác trong khu vực, Úc không muốn phải đứng ra lựa chọn giữa Mỹ và Trung Quốc. Cân bằng ngoại chính là giải pháp trong bối cảnh này.

3. Kết luận

Những phân tích trên cho thấy, thay vì theo đuổi chính sách cân bằng hay phù thịnh với Trung Quốc, Úc đang tiến hành một chính sách phòng bị nước đôi. Theo đó, một mặt, Úc hợp tác một cách thực dụng với Trung Quốc, mặt khác, Úc cố gắng nâng cao sức mạnh của mình thông qua quá trình hiện đại hóa lực lượng quân sự và củng cố quan hệ đồng minh với Mỹ cũng như tăng cường hợp tác với các quốc gia trong khu vực. Việc áp dụng chính sách này định hình từ thời Thủ tướng John Howard và ngày càng trở nên rõ nét trong những năm gần đây. Rõ ràng, trong một bối cảnh đầy phức tạp và khó lường, với sự hờ hững từ phía Mỹ sau khi Tổng thống Donald Trump nhậm chức, sự trỗi dậy mà không chắc mang lại hòa bình-thịnh vượng của Trung Quốc, cùng sự đa dạng trong nội bộ quốc gia trong nhận thức về Trung Quốc, chính sách phòng bị nước đôi là bước đi cần trọng, khả thi và phù hợp. Thông qua chính sách phòng bị nước đôi, Úc vẫn cố gắng tối đa hóa lợi ích thu được từ các hợp tác kinh tế với Trung Quốc nhưng đồng thời có những bước chuẩn bị để chống đỡ với các ảnh hưởng bất lợi từ sự trỗi dậy của cường quốc này. Cùng với việc chỉ ra chiến lược Úc hiện đang theo đuổi, tác giả cũng khẳng định tính thiếu cơ sở đối với các lập luận cho rằng Úc đang chuyển hướng sang phù Trung hoặc hoàn toàn phụ thuộc vào mối quan hệ đồng minh với Mỹ □

Tài liệu tham khảo

1. Australia Bureau of Statistics (2017), *3401.0 - Overseas Arrivals and Departures, Australia, Dec 2016*, <http://www.abs.gov.au/ausstats/abs@.nsf/products/961B6B53B87C130ACA2574030010BD05>, ngày truy cập 10/10/2017.

2. Australia Government (2017), *Education Brief-China: Chinese Government Priorities*, <https://internationaleducation.gov.au/Internationalnetwork/china/publications/%0bDocuments/Country%20Brief%20China%20April%202017.pdf>, ngày truy cập 17/06/2017.
3. C. Kuik (2008), "The essence of hedging: Malaysia and Singapore's response to a rising China. Contemporary Southeast Asia". *A Journal of International and Strategic Affairs*, 30(2), 159-185.
4. Department of Defence (2009), *Defending Australia in the Asia-Pacific Century: Force 2030*.
5. Department of Defence (2016), *2016 Defence White Paper*.
6. Department of Foreign Affairs and Trade (2017), *Trade, investment and economic statistics*, <http://dfat.gov.au/trade/resources/tradestatistics/Pages/trade-statistics.asp> ngày truy cập ngày 6/07/2017.
7. H. White (2012), *The China choice: Why America should share power*, Black Inc.
8. J.H. Chung (2009), "East Asia responds to the rise of China: Patterns and variations", *Pacific Affairs*, 82(4), 657-675.
9. L. Jakobson (2012), "Australia-China Ties: In Search of Political Trust", *Policy Brief*.
10. M. Kenny (2013), "Tony Abbott warns of conflict risk in South China Sea", *The Sydney Morning Herald*, <http://www.smh.com.au/federal-politics/political-news/tony-abbott-warns-of-conflict-risk-in-south-china-sea-20131010-2vb74.html>, truy cập ngày 24/1/2014.
11. P.A. Papayoanou (1999), *Power ties: Economic interdependence, balancing, and war*, University of Michigan Press.
12. P. Hartcher (2009), *Garnaut, the scalpel-sharp seer, still looks to China*, *The Sydney Morning Herald*, <http://www.smh.com.au/federal-politics/political-opinion/garnaut-the-scalpel-sharp-seer-still-looks-to-china-20091214-ks6j.html>
13. P. Jain & G. McCarthy (2016), "Between centrality and anxiety: China in Australia", *Asian Journal of Comparative Politics*, 1(3), 244-259.
14. R. Babbage (2011), Australia's strategic edge in 2030.

(tiếp theo trang 51)

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X: Hội nghị lần thứ ba, tư, năm, sáu, bảy và chín*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Trường (2013), *Đặc điểm của tội phạm tham nhũng có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam*, <http://noichinh.vn/nguyen-xuan-trao-doi/201305/dac-diem-cua-toi-pham-tham-nhung-co> yeu-to-nuoc-ngoai-o-viet-nam-291382/
3. *Fighting Global Corruption: Business Risk Management*, <https://20012009.state.gov/p/inl/rls/rpt/fgcrpt/2001/3159.htm>
4. http://www.gso.gov.vn/SLTK/Menu.aspx?rxid=7933072e-4191-488e-a0d3-8a6edea04dbd&px_language=vi&px_db=04.+%C4%90%E1%BA%A7u+t%C6%B0&px_type=PX
5. <https://www.justice.gov/sites/default/files/criminalfraud/legacy/2012/11/14/fcpa-english.pdf>